

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 838/QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo  
của 19 chương trình đào tạo trình độ đại học trong đợt đánh giá giữa chu kỳ năm 2022

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-ĐHTM ngày 26/11/2018 của Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định về xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22/7/2021 của Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Thông báo số 1041/TB-ĐHTM ngày 24/9/2021 của Trường Đại học Thương mại về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quy định về xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 1699/QĐ-ĐHTM ngày 26/11/2018 của Trường Đại học Thương mại;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Khoa học,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Về việc sửa đổi, bổ sung chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của 19 chương trình đào tạo trình độ đại học trong đợt đánh giá giữa chu kỳ năm 2022 của Trường Đại học Thương mại (có bản chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ khoá tuyển sinh năm 2022. Các quy định trước đây trái với Quyết định này bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Quản lý Khoa học, Quản lý Đào tạo, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Pháp chế - Thanh tra, Kế hoạch - Tài chính và Viện trưởng, Trưởng các Khoa quản lý chuyên ngành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Khánh*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLKH, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
THƯƠNG MẠI

PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
THÔNG MẠI

TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
THÔNG MẠI

**TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
THƯƠNG MẠI**

**DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
TRONG ĐỢT ĐÁNH GIÁ GIỮA CHU KÌ NĂM 2022  
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 838/QĐ/ĐHTM ngày 24 tháng 5 năm 2022  
của Trường Đại học Thương mại)

STT	Chương trình đào tạo	Chuyên ngành/Ngành
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh/ Quản trị kinh doanh
2	Tiếng Pháp thương mại	Tiếng Pháp thương mại/ Quản trị kinh doanh
3	Tiếng Trung thương mại	Tiếng Trung thương mại/ Quản trị kinh doanh
4	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn/ Quản trị khách sạn
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
6	Marketing thương mại	Marketing thương mại/ Marketing
7	Quản trị thương hiệu	Quản trị thương hiệu/ Marketing
8	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng/ Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
9	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán doanh nghiệp/ Kế toán
10	Kiểm toán	Kiểm toán/ Kiểm toán
11	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế/ Kinh tế quốc tế
12	Thương mại quốc tế	Thương mại quốc tế/ Kinh doanh quốc tế
13	Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế/ Kinh tế
14	Luật kinh tế	Luật kinh tế/ Luật kinh tế
15	Quản trị thương mại điện tử	Quản trị thương mại điện tử/ Thương mại điện tử
16	Quản trị hệ thống thông tin	Quản trị hệ thống thông tin/ Hệ thống thông tin quản lý/
17	Quản trị nhân lực doanh nghiệp	Quản trị nhân lực doanh nghiệp/ Quản trị nhân lực
18	Tiếng Anh thương mại	Tiếng Anh thương mại/ Ngôn ngữ Anh
19	Tài chính - Ngân hàng thương mại	Tài chính - Ngân hàng thương mại/ Tài chính - Ngân hàng



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo quyết định số 838/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2022 của Trường Đại học Thương mại)*

<b>Chương trình đào tạo:</b>	<b>Quản trị Hệ thống thông tin</b> <i>(Chương trình Chuẩn)</i>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Hệ thống thông tin quản lý</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>7340405</b>
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	<b>Quản trị Hệ thống thông tin</b>
<b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>	<b>Tiếng Việt</b>

**1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

- Chương trình đào tạo Ngành Hệ thống thông tin quản lý được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Thương Mại vào ngày 12 tháng 5 năm 2008 theo Quyết định số 174/QĐTM-ĐT. Sau đó được sửa đổi theo quyết định số 643/QĐTM-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2008.

- Chương trình đào tạo Ngành Hệ thống thông tin quản lý, Chuyên ngành Quản trị Hệ thống thông tin trình độ Đại học, đào tạo bằng Tiếng Việt được rà soát gần đây nhất theo quyết định số 1566/QĐ-ĐHTM ngày 25 tháng 12 năm 2019.

- Lần sửa đổi, bổ sung này, chương trình đào tạo Ngành Hệ thống thông tin quản lý, Chuyên ngành Quản trị Hệ thống thông tin trình độ Đại học, đào tạo bằng Tiếng Việt đã có những cập nhật cải tiến như sau đối với chương trình hiện hành:

+ Về mục tiêu của chương trình đào tạo: Đã xác định rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể sát với thực tế và nhu cầu xã hội về nhân lực cho quá trình chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra tại Việt Nam.

+ Về chuẩn đầu ra: Đã chuẩn hóa lại các chuẩn đầu ra theo hướng dẫn và quy định của Phòng Quản lý khoa học. Thứ nhất các chuẩn đầu ra được chia thành 04 nhóm: Chuẩn đầu ra về kiến thức, Chuẩn đầu ra về kỹ năng, Chuẩn đầu ra về tự chủ, tự chịu trách nhiệm và Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học. Thứ hai đã rút ngắn lại các chuẩn đầu ra còn 12 PLO (Chương trình hiện hành là 18 PLO) và các PLO được viết ngắn gọn, sát với mục tiêu của chương trình đào tạo.

+ Về chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo vẫn theo khung chương trình đào tạo do Phòng Quản lý Đào tạo Trường Đại học Thương mại hướng dẫn nhưng có thay đổi một số học phần cho sát với tình hình thực tế và mục tiêu của chương trình đào tạo. Cụ thể:

**Khối kiến thức giáo dục đại cương:** Không đổi nhưng có sự thay đổi trong trình bày và tên học phần. Thứ nhất, cấu trúc học phần có thêm số giờ tự học cộng thêm trong cấu trúc. Thứ hai, tên học phần *Giáo dục quốc phòng* đổi thành Học phần *Giáo dục quốc*

phòng – an ninh.

**Khối kiến thức cơ sở ngành:** Đối với các học phần bắt buộc thì tổng số tín chỉ không thay đổi nhưng có thay đổi 02 học phần: Học phần *Kinh tế vi mô 1 3TC* được thay bằng Học phần *Kinh tế học 3TC*; Học phần *Cơ sở lập trình 3TC* được thay bằng Học phần *Lập trình Python 3TC*. Đối với các học phần tự chọn thì tổng số tín chỉ cũng như cũ nhưng chỉ giữ lại 03 học phần gồm: *Khởi sự kinh doanh 2TC*; *Lập trình hướng đối tượng 3TC*; *Kinh tế lượng 3TC* thay thế các học phần: *Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet 2TC*, *Thực hành quảng cáo điện tử 2TC*, *Văn hóa kinh doanh 2TC*, *Kinh tế vĩ mô 1 3TC*, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán 3TC* bằng các Học phần *Các hệ thống thông tin và quy trình kinh doanh 2TC*, *Chuyển đổi số trong kinh doanh 2TC*, *Hành vi khách hàng 3TC*; Đưa 02 học phần: *Cơ sở toán học cho tin học 3TC* và *Cấu trúc dữ liệu và giải thuật 3TC* từ khối tự chọn của chuyên ngành lên thành tự chọn của cơ sở ngành.

**Khối kiến thức ngành (Bao gồm chuyên ngành):** Đối với các học phần bắt buộc không thay đổi số tín chỉ nhưng có thay đổi các học phần như sau: Học phần *Thiết kế và triển khai Website 3TC* thay bằng Học phần *Thiết kế và triển khai ứng dụng Web 3TC*, Học phần *Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp 3TC* thay bằng Học phần *Triển khai hệ thống thông tin quản lý 3TC*, Học phần *Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp 3TC* thay bằng Học phần *Quản trị dự án Công nghệ thông tin 3TC*, Học phần *An toàn và bảo mật thông tin 3TC* chuyển xuống tự chọn theo nhóm nghề nghiệp và thay thế bằng Học phần *Phân tích nghiệp vụ phần mềm 3TC*, Học phần *Kiểm thử phần mềm 3TC* chuyển xuống tự chọn theo nhóm nghề nghiệp và thay thế bằng Học phần *Phân tích và khai phá dữ liệu doanh nghiệp 3TC*. Có 03 học phần được đăng ký đánh giá bằng bài tập lớn là: *Quản trị cơ sở dữ liệu 3TC*, *Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin 3TC*, *Phát triển hệ thống thông tin kinh tế 3TC*.

Các học phần tự chọn trong khối Kiến thức ngành, chuyên ngành được gom nhóm thành 03 nhóm để nâng cao kỹ năng theo vị trí nghề nghiệp cần bổ trợ bao gồm: (1). Nhóm 1 (*Hỗ trợ cho quản trị và tham gia phát triển dự án công nghệ thông tin*) có các học phần sau, mỗi học phần 3TC: *Thực hành các công cụ quản trị dự án*; *Nguyên lý đảm bảo chất lượng phần mềm*; *Thực hành các công cụ trực quan hóa dữ liệu*; *An toàn và bảo mật thông tin*. (2). Nhóm 2 (*Hỗ trợ cho triển khai và kiểm thử ứng dụng*) có các học phần sau mỗi học phần 3 TC: *Kiểm thử phần mềm*, *Thực hành kiểm thử phần mềm*, *Thực hành các công cụ trực quan hóa dữ liệu*, *Nguyên lý đảm bảo chất lượng phần mềm*. (3). Nhóm 3 (*Hỗ trợ cho thiết kế và quản trị cơ sở dữ liệu*) có các học phần sau, mỗi học phần 3 TC: *Thực hành quản trị cơ sở dữ liệu*, *An toàn và bảo mật thông tin*; *Nguyên lý đảm bảo chất lượng phần mềm*; *Thực hành thiết kế mô phỏng hệ thống với Axure*.

**Khối kiến thức bổ trợ:** Đối với các học phần bắt buộc số tín chỉ không thay đổi nhưng có thay đổi học phần *Nhập môn tài chính tiền tệ 3TC* bằng Học phần *Quản trị Thương mại điện tử 1 3TC*. Đối với các học phần tự chọn có số tín chỉ không thay đổi nhưng có

thay đổi các học phần: Học phần *Quản trị thương hiệu 1 3TC* thay bằng Học phần *Quản trị công nghệ 3TC*, Học phần *Marketing căn bản 3TC* thay bằng học phần *Thanh toán điện tử 3TC*

**Đối với nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học:** Được chia thành 02 học phần: Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp; Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp

+ *Về hướng dẫn thực hiện chương trình:* Chi tiết và cụ thể theo từng học kỳ theo hướng dẫn của Phòng Quản lý Khoa học.

- *Về căn cứ, lý do để thay đổi và cập nhật:* Sau khi tham khảo các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế, và đối chiếu với số liệu khảo sát và mục tiêu phát triển lực lượng lao động số của Đề án “*Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” được Thủ tướng Phê duyệt theo Quyết định số 749/ QĐ-TTg ngày 03/06/2020; dựa trên số liệu thống kê và dự báo về nguồn nhân lực lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin - điện tử, viễn thông theo “*Sách trắng công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam năm 2020*” của Bộ thông tin và Truyền thông vào tháng 12 năm 2020; dựa trên số liệu thống kê và dự báo về nguồn nhân lực thương mại điện tử theo “*Sách trắng thương mại điện tử Việt Nam năm 2021*” của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công thương vào tháng 1 năm 2021; Cuối cùng là dựa trên số liệu khảo sát về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên ngành Hệ thống thông tin quản lý và số liệu khảo sát từ các nhà tuyển dụng, người sử dụng lao động trong tháng 2/2022 về CĐR và CTĐT. Hội đồng khoa học Khoa HTTT Kinh tế và TMĐT nhận thấy có sự thay đổi và cập nhật trong chương trình đào tạo nhằm đáp ứng ngày càng cao với nhu cầu xã hội, đưa mục tiêu đào tạo gắn với thực tiễn để nâng cao cơ hội việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

## **2. Mục tiêu đào tạo**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành hệ thống thông tin quản lý có khả năng phân tích, tư vấn, thiết kế, tổ chức và triển khai các giải pháp hệ thống thông tin để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu xã hội trong quá trình chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý (*Chương trình chuẩn*) có kiến thức, kỹ năng và năng lực để:

- Trở thành chuyên viên tổ chức và triển khai hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

- Trở thành chuyên viên phân tích nghiệp vụ hệ thống thông tin.

- Trở thành chuyên viên phân tích và quản trị dữ liệu trong các hệ thống thông tin.

- Trở thành chuyên viên quản lý và tham gia phát triển các dự án công nghệ thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

- Có thể tham gia giảng dạy hoặc đào tạo trong các cơ sở đào tạo về Hệ thống thông tin quản lý.

### **3. Chuẩn đầu ra**

#### **3.1. Yêu cầu về kiến thức**

(PLO1): Nắm bắt và tổng hợp lại các kiến thức nguyên lý, quy luật, lý luận và thực tiễn của tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị Việt Nam.

(PLO2): Có kiến thức chuyên sâu trong phát triển, xây dựng và tổ chức các giải pháp phân tích, thiết kế và quản trị các dự án công nghệ thông tin

(PLO3): Đề xuất được các quy trình nghiệp vụ phù hợp trong tổ chức, triển khai và vận hành các HTTT trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO4): Có kiến thức chuyên sâu trong lập kế hoạch và tổ chức quản trị dữ liệu cho các HTTT.

#### **3.2. Yêu cầu về kỹ năng**

(PLO5): Có kỹ năng vận dụng các phương pháp khảo sát, phân tích, viết tài liệu và mô hình hóa yêu cầu trong các dự án công nghệ thông tin

(PLO6): Có kỹ năng xây dựng quy trình, tổ chức và giám sát quá trình triển khai các hệ thống thông tin.

(PLO7): Có kỹ năng sử dụng thành thạo hệ quản trị cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO8): Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền thông, kỹ năng thuyết trình;

#### **3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO9): Có ý thức kỷ luật cao, luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước

(PLO10): Có lập trường tư tưởng vững vàng, lối sống lành mạnh; có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội; đáp ứng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong môi trường làm việc

(PLO11): Có ý thức học tập suốt đời, có nghị lực vươn lên và hoàn thành tốt công việc được giao.

#### **3.4. Yêu cầu về Ngoại ngữ và Tin học**

(PLO12): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.

### **4. Khối kiến thức toàn khóa**

**Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng tín chỉ): 131 TC.** Trong đó, 120 TC học tập và tốt nghiệp và 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh



## 5. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

### 6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

**Bước 1.** Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

**Bước 2.** Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

**Bước 3.** Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo, ...

**Bước 4.** Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

**Bước 5.** Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên

### 6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

## 7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

## 8. Nội dung chương trình đào tạo

### 8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN	SỐ TC	Cấu trúc (LT, TL, BCTT)
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>40</b>	
<b>1.1.</b>	<b>Giáo dục đại cương</b>	<b>29</b>	
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>27</b>	
1	Triết học Mác - Lênin	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	24,12
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	24,12
6	Tiếng Anh 1	2	24,12
7	Tiếng Anh 2	2	24,12
8	Tiếng Anh 3	2	24,12
9	Tin học quản lý 1	3	36,18
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24,12
11	Pháp luật đại cương	2	24,12
12	Toán đại cương	3	36,18
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>2</b>	
	<i>Chọn 02 TC trong các HP sau:</i>		
1	Kinh tế thương mại đại cương	2	24,12
2	Xã hội học đại cương	2	24,12
<b>1.2</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3</b>	
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>1</b>	
	Giáo dục thể chất chung	1	

<b>1.2.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>2</b>	
1	Bóng ném	1	
2	Bóng chuyền	1	
3	Cầu lông	1	
4	Bóng bàn	1	
5	Cờ vua	1	
6	Bóng rổ	1	
<b>1.3</b>	<b>Giáo dục quốc phòng - an ninh</b>	<b>8</b>	
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>91</b>	
<b>2.1.</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>28</b>	
<b>2.1.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>18</b>	
1	Kinh tế học	3	36,18
2	Quản trị học	3	36,18
3	Thương mại điện tử căn bản	3	36,18
4	Cơ sở dữ liệu	2	24,12
5	Lập trình với Python	3	36,18
6	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	24,12
7	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	24,12
<b>2.1.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>10</b>	
	<i>Chọn 10 TC trong các HP sau:</i>		
1	Lập trình hướng đối tượng	2	24,12
2	Các hệ thống thông tin và quy trình kinh doanh	2	24,12
3	Chuyển đổi số trong kinh doanh	2	24,12
4	Khởi sự kinh doanh	2	24,12
5	Hành vi khách hàng	3	36,18
6	Cơ sở toán học cho tin học	3	36,18
7	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	36,18
8	Kinh tế lượng	3	36,18
<b>2.2.</b>	<b>Kiến thức ngành và chuyên ngành</b>	<b>41</b>	
<b>2.2.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>29</b>	
1	Mạng máy tính và truyền thông	2	24,12
2	Hệ thống thông tin quản lý	3	36,18
3	Thiết kế và triển khai ứng dụng Web	3	36,18
4	Quản trị cơ sở dữ liệu	3	36,18
5	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	36,18
6	Triển khai Hệ thống thông tin quản lý	3	36,18
7	Phát triển Hệ thống thông tin kinh tế *	3	34,12,5
8	Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp	3	36,18
9	Phân tích nghiệp vụ phần mềm	3	36,18
10	Quản trị dự án Công nghệ thông tin *	3	34,12,5
<b>2.2.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>12</b>	
	<i>Chọn một trong các nhóm học phần sau:</i>		

1.1 Quản trị dự án	Thực hành các công cụ quản trị dự án	3	0,90
	Nguyên lý đảm bảo chất lượng phần mềm	3	36,18
	Các công cụ trực quan hóa dữ liệu	3	0,90
	An toàn và bảo mật thông tin	3	36,18
1.2 Kiểm thử và triển khai	Kiểm thử phần mềm	3	36,18
	Thực hành kiểm thử phần mềm	3	0,90
	Các công cụ trực quan hóa dữ liệu	3	0,90
	Nguyên lý đảm bảo chất lượng phần mềm	3	36,18
1.3 QT CSDL và QA	Thực hành quản trị cơ sở dữ liệu	3	0,90
	An toàn và bảo mật thông tin	3	36,18
	Nguyên lý đảm bảo chất lượng phần mềm	3	36,18
	Thực hành thiết kế mô phỏng hệ thống với Axure	3	0,90
<b>2.3.</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>	<b>12</b>	
<b>2.3.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>6</b>	
1	Nguyên lý kế toán	3	36,18
2	Quản trị thương mại điện tử 1	3	36,18
<b>2.3.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>6</b>	
	<i>Chọn 06 TC trong các HP sau:</i>		
1	Quản trị chất lượng	3	36,18
2	Quản trị công nghệ	3	36,18
3	Thanh toán điện tử	3	36,18
4	Quản trị nhân lực căn bản	3	36,18
<b>2.4</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b>	<b>10</b>	
1	Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp	3	0,90
2	Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp	7	0,210

*Ghi chú:*

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp thì có 29 TC thuộc khối đại cương, 28 TC thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, 41TC thuộc khối ngành và chuyên ngành và 12TC thuộc khối kiến thức bổ trợ.
- Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn.

## 8.2 Mô tả các học phần

Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo (phụ lục)

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

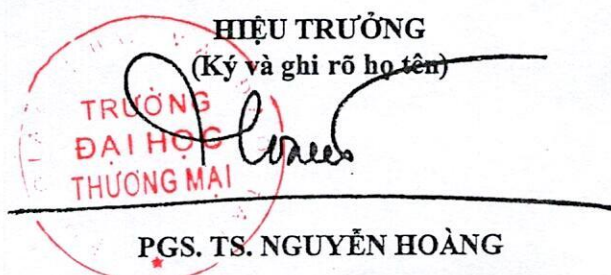
TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỶ I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	09 - 10TC

		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>12 - 13TC</b>
2	KỶ II	Khối kiến thức giáo dục đại cương	6 - 8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6 - 8TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15 - 16TC</b>
3	KỶ HÈ NĂM I	<b>Giáo dục quốc phòng – an ninh</b>	<b>08 TC</b>
4	KỶ III	Khối kiến thức giáo dục đại cương	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11 - 12 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16 - 17 TC</b>
5	KỶ IV	Khối kiến thức giáo dục đại cương	6 - 8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3 - 6TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	3 - 6TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15 - 17 TC</b>
6	KỶ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	12 - 15 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15 - 17TC</b>
7	KỶ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	05 - 06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16 - 17TC</b>
8	KỶ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13 - 15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16 - 18TC</b>
9	KỶ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	<b>10TC</b>
10	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>131TC</b>

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

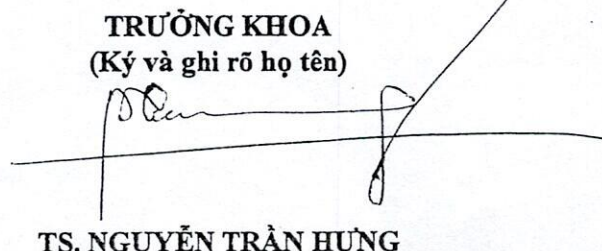
*Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương (mẫu số 4) các học phần trong CTĐT*

**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**PGS. TS. NGUYỄN HOÀNG**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**TS. NGUYỄN TRẦN HƯNG**